

ÔN TẬP KT GIỮA HK I MÔN SINH HỌC 7

Câu 1: Trong các biện pháp sau, có bao nhiêu biện pháp được sử dụng để phòng ngừa giun sán cho người?

1. Ăn thức ăn nấu chín, uống nước đun sôi để nguội.
2. Sử dụng nước sạch để tắm rửa.
3. Mặc màn khi đi ngủ.
4. Không ăn thịt lợn gạo.
5. Rửa sạch rau trước khi chế biến.

Số ý đúng là :

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 2: Vai trò nào sau đây không đúng khi nói về San hô?

- A. Tạo môi trường sống cho nhiều sinh vật biển.
- B. Tạo cảnh quan cho môi trường biển.
- C. Hóa thạch san hô là chỉ thị quan trọng của các tầng trong nghiên cứu địa chất.
- D. Giúp các phương tiện đường thủy lưu thông tốt hơn.

Câu 3: Trong các phương pháp sau, phương pháp nào được dùng để phòng chống bệnh sốt rét?

1. Ăn uống hợp vệ sinh.
2. Mặc màn khi ngủ.
3. Rửa tay sạch trước khi ăn.
4. Giữ vệ sinh nơi ở, phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh.

Phương án đúng là

- A. 1 và 2
- B. 2 và 3
- C. 2 và 4
- D. 3 và 4

Câu 4: Động vật phân biệt với thực vật ở những đặc điểm chủ yếu nào?

- A. Dị dưỡng.
- B. Có khả năng di chuyển.
- C. Có hệ thần kinh và giác quan.
- D. Dị dưỡng, có khả năng di chuyển, có hệ thần kinh và giác quan.

Câu 5: Trùng roi xanh di chuyển được nhờ bộ phận nào?

- A. Roi.
- B. Lông bơi.
- C. Chân giả.
- D. Không có bộ phận di chuyển.

Câu 6: Phương thức sinh sản chủ yếu của trùng roi là

- A. Mọc chồi.
- B. Phân đôi.
- C. Tạo bào tử.
- D. đẻ con.

Câu 7: Trong các động vật nguyên sinh sau, loài động vật nào có hình thức sinh sản tiếp hợp?

- A. Trùng giày.
- B. Trùng biến hình.
- C. Trùng roi xanh.
- D. Trùng kiết lị.

Câu 8: Dưới đây là 4 giai đoạn trùng biến hình bắt mồi và tiêu hoá mồi:

- (1) : Hai chân giả kéo dài nuốt mồi vào sâu trong chất nguyên sinh.
- (2) : Lập tức hình thành chân giả thứ hai vây lấy mồi.
- (3) : Không bào tiêu hoá tạo thành bao lấy mồi, tiêu hoá mồi nhờ dịch tiêu hoá.
- (4) : Khi một chân giả tiếp cận mồi (tảo, vi khuẩn, vụn hữu cơ...).

Em hãy sắp xếp các giai đoạn trên theo trình tự hợp lý ?

- A. (4) - (2) - (1) - (3).
- B. (4) - (1) - (2) - (3).
- C. (3) - (2) - (1) - (4).
- D. (4) - (3) - (1) - (2).

Câu 9: Bào xác của trùng kiết lị xâm nhập vào cơ thể người thông qua con đường nào?

- A. Đường tiêu hoá.
- B. Đường hô hấp.
- C. Đường sinh dục.
- D. Đường bài tiết.

Câu 10: Dưới đây là các giai đoạn kí sinh của trùng sốt rét trong hồng cầu người:

- (1): Trùng sốt rét sử dụng hết chất nguyên sinh trong hồng cầu, sinh sản vô tính cho nhiều cá thể mới.
- (2): Trùng sốt rét chui vào kí sinh ở hồng cầu.
- (3) : Trùng sốt rét phá vỡ hồng cầu để chui ra ngoài tiếp tục vòng đời kí sinh mới.

Hãy sắp xếp các giai đoạn trên theo trình tự hợp lí.

- A. (2) → (1) → (3).
- B. (2) → (3) → (1).
- C. (1) → (2) → (3).
- D. (3) → (2) → (1).

Câu 11: Phát biểu nào sau đây về động vật nguyên sinh là **đúng**?

- A. Cơ thể có cấu tạo đơn bào.
- B. Chỉ sống kí sinh trong cơ thể người.
- C. Hình dạng luôn biến đổi.
- D. Không có khả năng sinh sản.

Câu 12: Động vật nguyên sinh có vai trò nào dưới đây?

- A. Thức ăn cho các động vật lớn.
- B. Chỉ thị độ sạch của môi trường nước.
- C. Chỉ thị địa tầng, góp phần cấu tạo vỏ Trái Đất.
- D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

Câu 13: Thủy tức có di chuyển bằng cách nào?

- A. Di chuyển kiểu lộn đầu.
- B. Di chuyển kiểu sâu đo.
- C. Di chuyển bằng cách hút và nhả nước.
- D. Cả A và B đều đúng.

Câu 14: Hình thức sinh sản vô tính của thủy tức là gì?

- A. Phân đôi.
- B. Mọc chồi.
- C. Tạo thành bào tử.
- D. Cả A và B đều đúng.

Câu 15: Đặc điểm nào dưới đây có ở sứa?

- A. Miệng ở phía dưới.
- B. Di chuyển bằng tua miệng.
- C. Cơ thể dẹp hình lá.
- D. Không có tế bào tự vệ.

Câu 16: Điền cụm từ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện nghĩa câu sau :

Ở san hô, khi sinh sản ...(1)... thì cơ thể con không tách rời mà dính với cơ thể mẹ tạo nên ...(2)... san hô có ...(3)... thông với nhau.

- A. (1) : mọc chồi ; (2) : tập đoàn ; (3) : khoang ruột
- B. (1) : phân đôi ; (2) : cụm ; (3) : tầng keo
- C. (1) : tiếp hợp ; (2) : cụm ; (3) : khoang ruột
- D. (1) : mọc chồi ; (2) : tập đoàn ; (3) : tầng keo

Câu 17: Cơ thể ruột khoang có kiểu đối xứng nào?

- A. Đối xứng toả tròn.
- B. Đối xứng hai bên.
- C. Đối xứng lưng – bụng.
- D. Đối xứng trước – sau.

Câu 18: Ruột khoang nói chung thường tự vệ bằng:

- A. Các xúc tu.
- B. Các tế bào gai mang độc.
- C. Lăn trốn khỏi kẻ thù.
- D. Trốn trong vỏ cứng.

Câu 19: Những bộ phận nào bị tiêu giảm ở sán lá gan?

- A. Mắt, lông bơi.
- B. Giác bám.
- C. Cơ vòng, cơ dọc.
- D. Cơ quan sinh dục.

Câu 20: Vòng đời của sán lá gan có đặc điểm nào dưới đây?

- A. Thay đổi nhiều vật chủ và qua nhiều giai đoạn ấu trùng.
- B. Trứng, ấu trùng và kén có hình dạng giống nhau.
- C. Sán trưởng thành kết bào xác vào mùa đông.
- D. Ấu trùng sán có khả năng hoá sán trưởng thành cao.

Câu 21: Loài sán nào dưới đây trên thân gồm hàng trăm đốt sán, mỗi đốt đều mang một cơ quan sinh dục lưỡng tính?

- A. Sán lá gan.
- B. Sán lá máu.
- C. Sán bã trầu.
- D. Sán dây.

Câu 22: Phát biểu nào sau đây về Sán dây là **đúng**?

- A. Cơ thể dẹp và đối xứng hai bên.
- B. Là động vật đơn tính.
- C. Cơ quan sinh dục kém phát triển.
- D. Phát triển không qua biến thái.

Câu 23: Trứng giun đũa xâm nhập vào cơ thể người chủ yếu thông qua đường nào?

- A. Đường tiêu hoá.
- B. Đường hô hấp.
- C. Đường bài tiết nước tiểu.
- D. Đường sinh dục.

Câu 24: Vì sao khi kí sinh trong ruột non, giun đũa không bị tiêu hủy bởi dịch tiêu hóa?

- A. Vì giun đũa chui rúc dưới lớp niêm mạc của ruột non nên không bị tác động bởi dịch tiêu hóa.
- B. Vì giun đũa có khả năng kết bào xác khi dịch tiêu hóa tiết ra.
- C. Vì giun đũa có lớp vỏ cuticun bọc ngoài cơ thể.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 25: Loài giun nào gây ra bệnh chân voi ở người?

- A. Giun móc câu.
- B. Giun chỉ.
- C. Giun đũa.
- D. Giun kim.

Câu 26: Vai trò của điểm mắt ở trùng roi là

- A. Bắt mồi.
- B. Định hướng.
- C. Kéo dài roi.
- D. Điều khiển roi.

Câu 27: Trong các đặc điểm nào dưới đây có cả ở trùng giày, trùng roi và trùng biến hình?

- A. Cơ thể luôn biến đổi hình dạng.
- B. Cơ thể có cấu tạo đơn bào.

- C. Có khả năng tự dưỡng.
- D. Di chuyển nhờ lông bơi.

Câu 28: Trùng sốt rét lây nhiễm sang cơ thể người qua vật chủ trung gian nào?

- A. Muỗi Anôphen (Anopheles).
- B. Muỗi Mansonia.
- C. Muỗi Culex.
- D. Muỗi Aedes.

Câu 29: Động vật nguyên sinh sống kí sinh thường có đặc điểm nào?

- A. Cơ quan di chuyển thường tiêu giảm hoặc kém phát triển.
- B. Dinh dưỡng theo kiểu hoại sinh.
- C. Sinh sản vô tính với tốc độ nhanh.
- D. Cả 3 phương án trên đều đúng.

Câu 30: Phát biểu nào sau đây về thủy tức là **đúng**?

- A. Sinh sản hữu tính bằng cách tiếp hợp.
- B. Sinh sản vô tính bằng cách tạo bào tử.
- C. Lỗ hậu môn đối xứng với lỗ miệng.
- D. Có khả năng tái sinh.

Câu 31: Đặc điểm nào dưới đây không có ở hải quỳ?

- A. Kiểu ruột hình túi.
- B. Cơ thể đối xứng toả tròn.
- C. Sống thành tập đoàn.
- D. Thích nghi với lối sống bám.

Câu 32: Độ sâu tối đa mà các loài san hô có thể sống là bao nhiêu?

- A. 50m.
- B. 100m.
- C. 200m.
- D. 400m.

Câu 33: Sán lá gan có bao nhiêu giác bám để bám chắc vào nội tạng vật chủ?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 34: Đặc điểm nào dưới đây có ở sán dây?

- A. Sống tự do.
- B. Mắt và lông bơi phát triển.
- C. Cơ thể đơn tính.
- D. Cơ thể dẹp và đối xứng hai bên.

Câu 35: Giun đũa chui được qua ống mật nhờ đặc điểm nào sau đây?

- A. Cơ dọc kém phát triển.
- B. Không có cơ vòng.

C. Giác bám tiêu giảm.

D. Đầu nhọn.

-----**HẾT**-----

